

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2017/HSST
Ngày 07 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Thế.
2. Ông Nguyễn Anh Kiều.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Lộc, Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 53/2017/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đình T (*Tên gọi khác: không*); Sinh ngày 16 tháng 11 năm 1998; Trú tại: thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh BK; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông Nguyễn Đình D và bà Nông Thị Nt; vợ con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công từ ngày 28/7/2017 đến nay. *có mặt*

*** Người bị hại:** Chị Lộc Thị H, sinh năm 1987.

ĐKKHKT: TDP A, thị trấn S, Huyện S, Tuyên Quang

Chỗ ở: TDP C, phường B, TP S, Thái Nguyên.

(Vắng mặt có lý do)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nông Thị N, sinh năm: 1979.

Trú tại: thôn Đ, xã P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

2. Anh Dương Ngọc T, sinh năm: 1973.

Trú tại: TDP C, phường B, TP S, Thái Nguyên.

(Đều có mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Bị cáo Nguyễn Đình T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 24/7/2017, sau khi đi xin việc tại công ty may TNG Sông Công, Nguyễn Đình T quay về dãy phòng trọ của ông Dương Ngọc T, ở tổ dân phố C, phường B, thành phố S, Thái Nguyên (là nơi T đang thuê trọ) thì thấy các phòng trọ xung quanh đều khóa cửa. Vào phòng mình, T nhìn lên ô thoáng tiếp giáp với phòng chị Lộc Thị H, sinh năm 1987, trú tại thôn A, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và nảy sinh ý định trèo sang phòng chị H trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định đó, T bê chiếc thang dài khoảng 4m của ông Dương Ngọc T đang để ở đầu hồi dãy nhà trọ, kê vào phòng rồi trèo qua ô thoáng sang phòng chị H lục tìm tài sản, phát hiện trong túi xách màu đen để dưới gầm giường chị H có 01 chiếc ví bên trong chứa một túi nilon đựng một tập tiền mệnh giá 500.000đ nên T cầm túi nilon đựng tiền cất vào túi quần đang mặc, xếp các tài sản khác vào vị trí ban đầu rồi theo đường cũ trở lại phòng mình, cất thang về chỗ cũ rồi ngồi tại phòng mình kiểm tra số tiền trong túi nilon thấy có 13 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (tổng số tiền T chiếm đoạt được là 6.500.000đ). Có được số tiền trên, T mang đưa cho một người tên H1 ở khu vực bến xe Thái Nguyên 1.500.000đ để chuộc điện thoại mà T cầm cổ từ trước, còn lại 5.000.000đ, T cho vào một chiếc túi nilon và chôn xuống dưới đất cạnh bờ tường phía trước nhà ông Dương Văn T, sinh năm 1963, thuộc tổ dân phố K, phường B, thành phố S. Ngày 25/7/2017, theo lời khai của T, công an phường Bách Quang đã thu hồi được số tiền 5.000.000đ tại vị trí T cất giấu.

Tại bản cáo trạng số 52/KSĐT ngày 11/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo T về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 và 60 BLHS.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Đình T mức án từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Bị cáo thừa nhận hành vi đúng như cáo trạng truy tố, bị cáo không tranh luận, nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, sơ đồ hiện trường, Biên bản truy tìm vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 11 giờ ngày 24/7/2017, tại tổ dân phố C, phường B, thành phố S, Thái Nguyên, Nguyễn Đình T dùng thang trèo vào phòng trọ của chị Lộc Thị H trộm cắp của chị Lộc Thị H số tiền 6.500.000đ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Nội dung điều luật quy định: "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*".

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy:

Về nhân thân: Bị cáo được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 10/12, sau đó ở nhà đi lao động tự do kiếm sống, chưa có tiền án tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quy định tại các điểm b,g,h,p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ tính chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, tính chất giản đơn, việc phạm tội là do nhất thời, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo và cùng với gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại. Tại phiên tòa đại diện VKS đề nghị hình phạt như trên là phù hợp, nhưng xét thấy bị cáo đã bị tạm giam 03 tháng 10 ngày. Vì vậy, khi lượng hình HĐXX cần căn cứ các quy định và đường lối xử lý của pháp luật để có mức án cho phù hợp, đảm bảo các quyền lợi chính đáng cho bị cáo, có thể cho bị cáo được hưởng mức án tù bằng thời gian giam tạm giữ, tạm giam cũng đủ để giáo dục và phòng ngừa chung.

Về vật chứng: chiếc thang T dùng để thực hiện hành vi phạm tội, cơ quan điều tra trả lại ông Dương Ngọc Tuấn quản lý sử dụng; 01 chiếc túi nilon là công cụ phương tiện phục vụ cho việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Q-mobile Q113 và 02 sim điện thoại không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Đình T** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm b,g,h,p khoản 1 Điều 46, Điều 33 và 47 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Đình T** 03 (ba) tháng 10 (mười) ngày tù, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/7/2017 đến ngày 07/11/2017, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

Áp dụng: Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự, trả tự do cho bị cáo Nguyễn Đình T ngay tại phiên tòa.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy 01 túi nilon, màu xanh, đã qua sử dụng; Trả lại cho Nguyễn Đình T 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Q-mobile (Q113), vỏ màu đen trắng, số IMEI 358664550056809, đã qua sử dụng, 01 thẻ sim VIETTEL, mặt sau có dãy số 8984048008812504919, 01 thẻ sim VIETTEL, mặt sau có dãy số 8984048008819182988.

(*Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 10 năm 2017 giữa cơ quan Công an thành phố Sông Công và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công*)

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nộp vào công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt, 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt, niêm yết bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- VKSND SC; Công an SC;
- THA Hình sự, dân sự;
- Bị cáo, Bị hại, Người có QLNVLQ;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hoàng Văn Kiên